

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Mười

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số 552/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mỹ N. Sinh năm: 1983. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Tấn T. Sinh năm: 1972. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Ph, xã Hoà T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ N trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Trần Tấn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, đã ly thân hơn 3 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tấn L, sinh ngày 01/12/2008, hiện cháu L đang sống cùng cha là ông T. Khi ly hôn tôi đồng ý để cháu L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Tấn T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Mỹ N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Nay bà N yêu cầu ly hôn tôi đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tấn L, sinh ngày 01/12/2008, hiện cháu Lộc đang sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi cháu L, tôi không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ N là nguyên đơn và ông Trần Tấn T là bị đơn đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông T là đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Mỹ N và ông Trần Tấn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, tuy ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng đã không đăng ký kết hôn là vi phạm các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận bà Nguyễn Mỹ N và ông Trần Tấn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tấn L, sinh ngày 01/12/2008, hiện cháu L đang sống cùng ông T. Ông T và bà N đều thỏa thuận thống nhất ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp với nguyện vọng của cháu L nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Mỹ N và ông Trần Tấn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà N và ông T về việc giao con chung tên Trần Tấn L, sinh ngày 01/12/2008 cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, ngày 11/10/2022, bà N nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002130 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà N, ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Xuyên